

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN TRẦN CƯỜNG

**QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO
VAY ĐẢM BẢO BẰNG TÀI SẢN TẠI
AGRIBANK CHI NHÁNH HẢI CHÂU**

Chuyên ngành : Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng- Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Nguyễn Hòa Nhân**

Phản biện 1: **PGS.TS. Lê Thế Giới**

Phản biện 2: **TS. Hồ Kỳ Minh**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 15 tháng 6 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tín dụng là nghiệp vụ kinh doanh quan trọng, đem lại nguồn thu nhập chủ yếu cho ngân hàng và đây cũng là nghiệp vụ đem lại nhiều rủi ro nhất đối với các ngân hàng thương mại. Các NHTM luôn quan tâm đến việc quản trị RRTD nhằm hạn chế tối thiểu các loại rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng. Trong đó, công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản cũng là một phần quan trọng trong công tác quản trị RRTD.

Mặc dù việc cho vay đảm bảo bằng tài sản cũng là một kênh nhằm giảm thiểu tối đa những thiệt hại và tổn thất về tài sản của ngân hàng, vì đây là kênh thu nợ thứ hai khi xảy ra rủi ro không thu hồi được khoản vay. Tuy nhiên, công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản vẫn chưa được đánh giá hết tầm quan trọng, như chưa xây dựng hệ thống chấm điểm, đánh giá tài sản đảm bảo, cơ sở dữ liệu về TSĐB trên toàn hệ thống....

Thực tế tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu, quy trình cho vay đảm bảo bằng tài sản được quy định cụ thể. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu trong cho vay bảo đảm bằng tài sản vẫn chiếm tỷ trọng cao, đòi hỏi cần xem xét lại những tồn tại cũng như hạn chế nhằm đề ra giải pháp quản lý, nâng cao hiệu quả trong cho vay đảm bảo bằng tài sản.

Đi sâu nghiên cứu những vấn đề về QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết bởi các lý do sau:

Để thấy được vai trò quan trọng của công tác QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản đối với hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng. Bên cạnh đó, những vấn đề về QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank chi nhánh Hải Châu còn nhiều bất cập. Vì vậy việc nghiên cứu vấn đề này tại Agribank chi nhánh Hải

Châu là hết sức cần thiết. Ngoài ra, tại Agribank chi nhánh Hải Châu có đề tài nghiên cứu chuyên sâu về QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản.

Chính vì những lý do trên, tôi đã chọn đề tài: “ **QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu**” cho luận văn tốt nghiệp cao học với mong muốn góp phần giúp chi nhánh ngân hàng hạn chế tối thiểu những RRTD có thể phát sinh, đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về RRTD và Quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản của NHTM.

- Phân tích và đánh giá thực trạng, tìm ra những tồn tại trong công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

*** Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu.

*** Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu giới hạn về thực tế hoạt động QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu trong giai đoạn 2011 – 2013. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu.

4. Phương pháp nghiên cứu

*** Về phương pháp luận nghiên cứu**

- Phương pháp duy vật biện chứng: Phân tích, xem xét sự phát triển của hoạt động Quản trị RRTD chỉ trong cho vay đảm bảo bằng tài sản trong mối quan hệ với các yếu tố bên ngoài, các yếu tố bên trong và mối quan hệ trong sự phát triển cùng với các hoạt động ngân hàng khác.

- Phương pháp lịch sử: Xem xét hoạt động Quản trị RRTD chỉ trong cho vay đảm bảo bằng tài sản trong quá khứ, hiện tại để rút ra các mặt được và chưa được trong công tác Quản trị RRTD chỉ trong cho vay đảm bảo bằng tài sản. Từ đó, đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động Quản trị RRTD chỉ trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Chi nhánh.

*** Phương pháp nghiên cứu cụ thể**

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở sử dụng tổng hợp các phương pháp suy luận logic: phân tích và tổng hợp; quy nạp và diễn dịch; các phương pháp thống kê; khái quát hóa, hệ thống hóa, để làm sáng tỏ những vấn đề cần nghiên cứu.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản của NHTM.

Chương 2: Thực trạng công tác QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi nhánh Hải Châu.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi nhánh Hải Châu.

6. Tổng quan tài liệu

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu đề tài “*QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại AGRIBANK Chi nhánh Hải Châu*”,

tôi đã tiến hành tham khảo một số đề tài luận văn thạc sỹ đã bảo vệ nghiên cứu về QTRRTD nói chung, QTRRTD trong cho vay khách hàng doanh nghiệp... Về công tác đảm bảo tiền vay, có nội dung liên quan đến đề tài và có cùng các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này như sau:

1. Nguyễn Duy Ninh (2013), *QTRRTD tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Trị*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Tác giả đã dựa vào nguồn số liệu quá khứ qua các năm về tình hình 3 nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu, căn cứ vào các nghị quyết, các chiến lược kinh doanh, kế hoạch của Chi nhánh, vận dụng các phương pháp phân tích định lượng, thống kê phân tích, tổng hợp, so sánh số liệu qua các năm để làm sáng tỏ thực trạng QTRRTD tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Trị. Từ thực trạng QTRRTD tại Ngân hàng, tác giả đã đưa ra những mặt hạn chế còn tồn tại, qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác trạng QTRRTD tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Trị.

Qua đề tài này tôi đã tham khảo được các nội dung QTRRTD trong NHTM để bổ sung cho luận văn nội dung quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản: Nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro.....Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản.

2. Dương Hoàng Tiến (2012), *QTRRTD tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Kon tum*, luận văn thạc sỹ kinh tế, đại học Đà Nẵng.

Thông qua các phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phương pháp phân tích, thống kê...tác giả đã có cái nhìn tổng quan về mặt cơ sở lý luận và việc áp dụng vào thực tiễn tại Chi nhánh, đồng thời đưa ra các giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro tại Chi nhánh theo đúng các nội dung QTRRTD: Nhận dạng; đo

lượng; kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng. Bên cạnh việc nêu ra được các tồn tại trong công tác QTRRTD tại ngân hàng, tác giả còn chỉ ra các nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến công tác QTRRTD.

Qua đề tài này tôi đã tham khảo được các nội dung về phương pháp nhận diện, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng được tác giả áp dụng phân tích trong thực trạng QTRRTD tại ngân hàng, các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến công tác QTRRTD. Từ đó áp dụng phân tích thực trạng QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản trị.

3. Lương Minh Trí (2011), *Bảo đảm tiền vay tại chi nhánh ngân hàng NN& PTNT quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng*, luận văn thạc sỹ kinh tế, đại học Đà Nẵng.

Trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu thực tế chất lượng của công tác bảo đảm tiền vay tại chi nhánh Agribank quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng và chỉ ra nguyên nhân của những tồn tại trong việc áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay. Sử dụng các phương pháp thống kê, phân tích dư nợ, tỷ lệ nợ xấu, cơ cấu chuyển nhóm nợ.....theo tính chất đảm bảo, hình thức đảm bảo... qua đó, làm rõ hoạt động đảm bảo tiền vay tại chi nhánh và chỉ ra các rủi ro có thể gặp phải trong hoạt động đảm bảo tiền vay. Từ đó đề ra các giải pháp hoàn thiện hoạt động bảo đảm tiền vay tại chi nhánh.

Qua đề tài này tôi đã tham khảo được các nội dung về bảo đảm tiền vay, các tiêu chí đánh giá hoạt động tín dụng theo tính chất bảo đảm, hình thức bảo đảm. Từ đó tôi đưa ra nội dung Đảm bảo tiền vay bằng tài sản trong cho vay của NHTM và áp dụng các tiêu chí đánh giá vào phân tích thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay đảm bảo bằng tài sản.

Nhìn chung, hầu hết các luận văn nghiên cứu trong lĩnh vực QTRRTD tại NHTM nói chung, các luận văn nghiên cứu về đảm bảo

tiền vay, xử lý tài sản đảm bảo đều nhằm mục đích chỉ ra các hạn chế, đưa ra các giải pháp nâng cao công tác QTRRTD. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là phương pháp duy vật biện chứng, tổng hợp, thống kê, so sánh, phân tích,...

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu trên và căn cứ vào tình hình QTRRTD tại đơn vị thực tế, đề tài tập trung nghiên cứu nội dung "*QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại AGRIBANK Chi nhánh Hải Châu*". Như vậy không trùng với các đề tài trước đây đã công bố.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CHO VAY ĐẢM BẢO BẰNG TÀI SẢN

1.1. TỔNG QUAN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẢM BẢO BẰNG TÀI SẢN CỦA NHTM

1.1.1. Tín dụng và hoạt động cho vay của NHTM

1.1.2. Đảm bảo tiền vay bằng tài sản trong cho vay của NHTM

1.1.3. Rủi ro tín dụng trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

1.2. QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẢM BẢO BẰNG TÀI SẢN

1.2.1. Quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

a. Khái niệm, vai trò quản trị RRTD trong cho vay

- *Khái niệm:* Quản trị RRTD là quá trình nhận dạng, đo lường, tài trợ và kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay. Cụ thể là việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp, chính sách nhằm quản lý, kiểm tra và giám sát mức độ rủi ro trong tầm kiểm soát nhằm đảm bảo hạn chế rủi ro ở mức có thể chấp nhận được với mức lợi nhuận cao nhất.

- *Vai trò của công tác quản trị RRTD trong cho vay:*

+ Nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế rủi ro, giảm thiệt hại tín dụng

+ Tăng cường độ an toàn và ổn định trong hoạt động kinh doanh NH

+ Phát huy lợi thế cạnh tranh.

b. Nội dung quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

b1. Nhận dạng rủi ro

Khái niệm: Nhận dạng rủi ro là quá trình xác định liên tục, có hệ thống và đan xen với các bước khác trong quá trình quản trị rủi ro cho vay trong hoạt động của ngân hàng.

b2. Đo lường rủi ro

Khái niệm: Đo lường rủi ro là việc tính toán ra các con số cụ thể về mức độ rủi ro mà ngân hàng đang đối mặt và những tổn thất mà nó gây ra.

b3. Kiểm soát rủi ro

Khái niệm: là việc sử dụng các biện pháp nhằm tối thiểu hóa rủi ro trước khi rủi ro xuất hiện như: né tránh, ngăn ngừa, giảm thiểu, chuyển giao, trung hòa rủi ro, đa dạng hoá...

b4. Tài trợ rủi ro

Khái niệm: là việc sử dụng các biện pháp tài chính nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro khi rủi ro xảy ra, chẳng hạn tự khắc phục bằng dự phòng rủi ro, bằng nguồn lực có sẵn hoặc chuyển giao rủi ro thông qua hợp đồng bảo hiểm.

1.2.2. Các tiêu chí đánh giá kết quả công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

a. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

b. Sự thay đổi cơ cấu các nhóm nợ trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

c. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

d. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

a. Nhân tố bên ngoài

- *Rủi ro từ phía khách hàng:*

- + Rủi ro do đạo đức của khách hàng
- + Rủi ro phát sinh do năng lực của khách hàng vay vốn
- + Rủi ro phát sinh từ mức độ an toàn của các tài sản bảo đảm
- + Rủi ro từ thị trường tiêu thụ của các tài sản bảo đảm

- *Rủi ro do môi trường pháp lý - kinh tế - chính trị:*

b. Nhân tố bên trong ngân hàng

Đây là các rủi ro có nguyên nhân xuất phát từ nội tại hoạt động của ngân hàng như: Chất lượng hoạt động thẩm định nói chung và thẩm định, đánh giá tài sản đảm bảo cho khoản vay nói riêng; năng lực, trình độ và đạo đức của cán bộ ngân hàng; lượng thông tin được nắm bắt; chất lượng hoạt động xử lý tài sản đảm bảo, chiến lược kinh doanh.

- + Rủi ro từ chất lượng hoạt động thẩm định tài sản bảo đảm
- + Rủi ro do năng lực, trình độ và đạo đức của cán bộ ngân hàng
- + Rủi ro do lượng thông tin được ngân hàng nắm bắt
- + Rủi ro từ chất lượng xử lý tài sản bảo đảm
- + Rủi ro phát sinh do thiếu sự giám sát, kiểm tra về hoạt động của khách hàng vay vốn
- + Rủi ro từ sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các NHTM
- + Rủi ro từ chiến lược, định hướng kinh doanh trong từng thời kỳ

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương I với mục tiêu chủ yếu là hệ thống hóa những vấn đề cơ bản, có liên quan về QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản. Luận văn đã đi đến khẳng định và hoàn thành các nội dung chính sau đây:

Khẳng định QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản đóng vai trò quan trọng trong QTRRTD nói chung và do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Bởi vậy việc không ngừng nâng cao hiệu quả QTRRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản là tất yếu khách quan góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của bất kỳ chi nhánh NHTM nào.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐẢM BẢO BẰNG TÀI SẢN TẠI AGRIBANK CHI NHÁNH HẢI CHÂU

2.1. TỔNG QUAN VỀ AGRIBANK CHI NHÁNH HẢI CHÂU

2.1.1. Giới thiệu về ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

a. Lịch sử hình thành và phát triển của Agribank Chi nhánh Hải Châu

b. Chức năng, nhiệm vụ

c. Cơ cấu tổ chức, quản lý

2.1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh Hải Châu

a. Hoạt động huy động vốn

b. Hoạt động cho vay

c. Kết quả hoạt động kinh doanh

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RRTD TRONG CHO VAY ĐẢM BẢO BẰNG TÀI SẢN TẠI AGRIBANK CHI NHÁNH HẢI CHÂU

2.2.1. Công tác triển khai quản trị RRTD trong cho vay
đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

Công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản đòi hỏi việc hoạch định chính sách quản trị RRTD, xây dựng và tổ chức bộ máy để áp dụng chính sách quản trị đã đề ra. Đối với quy mô cấp chi nhánh, tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu việc triển khai công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản chỉ tập trung vào một số nội dung.

a. Công tác tổ chức quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

➤ Công tác tổ chức bộ máy quản trị RRTD nói chung và trong

cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

➤ Công tác thông tin và dự báo RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu:

➤ Công tác áp dụng quy trình, thủ tục và giám sát trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu:

b. Tình hình thực hiện các nội dung QTRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại chi nhánh agribank Hải Châu

b1. Thực trạng nhận dạng RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại chi nhánh agribank Hải Châu

b2. Thực trạng công tác đo lường RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại chi nhánh Agribank Hải Châu

b3. Thực trạng công tác Kiểm soát RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại chi nhánh agribank Hải Châu

b4. Thực trạng công tác tài trợ RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại chi nhánh agribank Hải Châu

2.2.2. Kết quả công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

a. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

❖ *Tình hình nợ xấu trong cho vay ĐBBTS của chi nhánh qua các năm*

Bảng 2.4: Bảng Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay ĐBBTS tại Agribank chi nhánh Hải Châu từ năm 2011- 2013

ĐVT: Triệu đồng

Tiêu chí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Toàn bộ KH	KH ĐBBTS	Toàn bộ KH	KH ĐBBTS	Toàn bộ KH	KH ĐBBTS
Tổng dư nợ	1.597.545	1.434.702	1.328.326	1.178.079	954.518	868.825
Nợ xấu	9.742	8.465	50.476	39.466	12.635	11.208
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0,61%	0,59%	3,80%	3,35%	1,32%	1,29%

Tiêu chí	Chênh lệch (2012/2011)		Chênh lệch (2013/2012)	
	Toàn bộ KH	KH ĐBBTS	Toàn bộ KH	KH ĐBBTS
Tổng dư nợ	-269.219	-256.623	-373.808	-309.254
Nợ xấu	40.734	31.001	-37.841	-28.258
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3,19%	2,76%	-2,48%	-2,06%

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Agribank Chi nhánh Hải Châu)

Qua bảng 2.4 có thể thấy phần lớn nợ xấu tại Agribank Chi nhánh Hải Châu tập trung vào dư nợ cho vay ĐBBTS do tỷ trọng cho vay ĐBBTS chiếm trên 85% tổng dư nợ cho vay qua các năm. Nợ xấu trong cho vay ĐBBTS năm 2011 thấp, có tỷ lệ duy trì ở mức cho phép (dưới 3%) thể hiện sự nỗ lực giảm thiểu nợ xấu tại chi nhánh.

❖ *Tình hình nợ xấu trong cho vay ĐBBTS phân theo kỳ hạn*

Bảng 2.5: Tình hình nợ xấu trong cho vay ĐBBTS phân theo kỳ hạn

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	Chênh lệch	
				(12/11)	(13/12)
1. Dư nợ	1.434.702	1.178.079	868.825	-256.623	-309.254
Ngắn hạn	1.049.242	847.425	688.063	-201.817	-159.362
Trung và dài hạn	385.460	330.654	180.762	-54.806	-149.892
2. Nợ xấu	8.465	39.466	11.208	31.001	-28.258
Ngắn hạn	3.534	31.572	8.764	28.038	-22.808
Trung và dài hạn	4.931	7.894	2.444	2.963	-5.450
3. Tỷ lệ nợ xấu (%)	0,59%	3,35%	1,29%	2,76%	-2,06%
Ngắn hạn	0,34%	3,73%	1,27%	3,39%	-2,45%
Trung và dài hạn	1,28%	2,39%	1,35%	1,11%	-1,04%

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Agribank Chi nhánh Hải Châu)

Qua bảng số liệu có thể thấy dư nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ trong cho vay ĐBBTS. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay ĐBBTS ngắn hạn và trung hạn đều tăng trong năm 2012. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay ĐBBTS ngắn hạn qua ba năm luôn cao hơn so với tỷ lệ nợ xấu trong cho vay ĐBBTS trung và dài hạn. Tỷ lệ nợ

xấu trong cho vay ĐBBTS ngắn hạn năm 2012 là 31.572 triệu đồng chiếm tỷ trọng 3,73% trên tổng dư nợ, tăng 3,39% so với năm 2011, tăng cao hơn nhiều so với tỷ lệ nợ xấu trong cho vay ĐBBTS trung và dài hạn là do một số món vay của các doanh nghiệp đến hạn trả nhưng mất khả năng thanh toán

b. Thực trạng thay đổi cơ cấu nhóm nợ trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

Bảng 2.8: Bảng thực trạng thay đổi cơ cấu nhóm nợ trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

DVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Nợ nhóm 1	1.396.405	97,33	1.088.102	92,36	763.840	87,92
Nợ nhóm 2	29.832	2,08	50.511	4,29	93.777	10,79
Nợ nhóm 3	3.292	0,23	21.042	1,79	5.105	0,59
Nợ nhóm 4	3.035	0,21	12.266	1,04	2.321	0,27
Nợ nhóm 5	2.138	0,15	6.158	0,52	3.782	0,44
Tổng dư nợ	1.434.702	100,00	1.178.079	100,00	868.825	100,00

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Agribank Chi nhánh Hải Châu)

Qua số liệu ở bảng trên có thể nhận thấy các nhóm nợ có rủi ro cao có xu hướng tăng dần qua các năm. Đáng chú ý, trong năm 2012 nợ nhóm 2 và nợ nhóm 3,4 tăng đột biến khá cao, nợ nhóm 2 chiếm 4,29% và nợ nhóm 3,4 lần lượt chiếm 1,79% và 1,04%, nợ nhóm 5 chiếm 0,52% tổng dư nợ trong cho vay đảm bảo bằng tài sản. Việc nợ xấu tăng cao đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của Chi nhánh.

c. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

Chi nhánh thực hiện trích lập dự phòng theo quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và quyết định 469/QĐ-HĐVT-XLRR của NHNo&PTNT Việt Nam ban hành về Quy định phân loại nợ, trích

lập dự phòng rủi ro tín dụng, kết quả trích lập dự phòng của Chi nhánh trong 3 năm (2011-2013) như sau:

Bảng 2.9: Bảng tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2011	2012	2013	Chênh lệch	
				(12/11)	(13/12)
Tổng dư nợ	1.434.702	1.178.079	868.825	-256.623	-309.254
Trích lập dự phòng rủi ro CVĐBBTS	1.334	9.767	1.763	8.433	-8.004
Tỷ lệ TLDP CVĐBBTS (%)	0,09	0,83	0,20	0,74	-0,63

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Agribank Chi nhánh Hải Châu)

Cùng với sự tăng lên của nợ quá hạn cho vay có TSĐB và nợ xấu có TSĐB thì tỷ lệ trích lập dự phòng dư nợ có TSĐB của Chi nhánh cũng tăng theo vào năm 2012. Tỷ lệ trích lập dự phòng trong có TSĐB năm 2011 là 0,09%, năm 2012 là 0,83% và đến năm 2013 là 0,02%. Việc trích lập dự phòng cao ảnh hưởng đến quỹ thu nhập của chi nhánh. Vì vậy, chi nhánh cần nâng cao chất lượng tín dụng hơn nữa và sớm đưa ra các giải pháp để thu hồi nợ xấu và giảm thấp tỷ lệ nợ xấu nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro để không gây ảnh hưởng đến lợi nhuận do phải trích lập thêm quỹ dự phòng rủi ro.

d. Tình hình thu hồi nợ XLRR trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

Bảng 2.10: Tình hình thu hồi nợ XLRR trong CVĐBBTS tại Agribank Chi nhánh Hải Châu từ năm 2011-2013

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Nợ được xử lý rủi ro trong năm	1.926	9.270	7.970
2. Nợ XLRR thu được trong năm	6.420	9.596	15.228
3. Dư nợ XLRR	24.320	23.994	16.736

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Agribank Chi nhánh Hải Châu)

Qua số liệu cho thấy nợ được XLRR tăng cao vào năm 2012 so với các năm trước, với số tiền là 9.272 triệu đồng, nguyên nhân là do nền kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, có nhiều khách hàng làm ăn thua lỗ và không còn khả năng trả nợ ngân hàng, tình hình nợ xấu cao.

2.2.3. Đánh giá công tác quản trị RRTD trong trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

a. Những kết quả đạt được

- Quy trình tổ chức quản trị RRTD trong cho vay ĐBBTS tại chi nhánh được tuân thủ theo các quy định, quy trình tín dụng do Agribank Việt Nam, NHNN Việt Nam ban hành.

- Công tác nhận diện rủi ro trong cho vay ĐBBTS được thực hiện thường xuyên, tuân thủ quy trình tín dụng ở bộ phận tác nghiệp trực tiếp với khách hàng.

- Công tác Đo lường RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại chi nhánh được áp dụng với việc chấm điểm xếp hạng tín dụng khách hàng hàng quý đối với khách hàng cá nhân cũng như doanh nghiệp.

- Chi nhánh tuân thủ các quy định. Phương pháp kiểm soát rủi ro đa dạng và linh hoạt. Việc đánh giá tài sản làm đảm bảo tiền vay được thực hiện định kỳ hàng năm và thường xuyên khi có biến động về trên thị trường có liên quan.

- Công tác tài trợ RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại chi nhánh được thực hiện nghiêm túc và thường xuyên. Việc sử dụng nguồn dự phòng tài trợ rủi ro, thanh lý tài sản cũng như chuyển giao rủi ro được thực hiện theo đúng quy định.

- Thường xuyên cử cán bộ đi tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nhằm phục vụ cho công việc chuyên môn, phòng ngừa rủi ro .

- Chi nhánh đã có nhiều nỗ lực trong việc thu hồi nợ xấu, nợ

XLRR qua đó làm giảm thấp tỷ lệ nợ xấu và hạn chế RRTD một cách đáng kể.

b. Những hạn chế và nguyên nhân

❖ Những mặt hạn chế về công tác quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

✓ *Hạn chế trong công tác tổ chức, dự báo, áp dụng quy trình cho vay.*

- Tại chi nhánh chưa thành lập bộ phận quản trị rủi ro chuyên trách

- Công tác thông tin dự báo chưa kịp thời và còn chưa chính xác đôi lúc làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

- Trong công tác tổ chức cán bộ còn tồn tại việc bố trí cán bộ làm công tác tín dụng chưa hợp lý và phù hợp do trình độ chuyên môn công tác không đúng với chuyên ngành được đào tạo. Công tác đào tạo tập huấn cán bộ chưa phù hợp với tình hình thực tế, nhiều khi còn mang nặng tính lý thuyết. Quy trình cho vay tập trung quá trình tiếp nhận và thẩm định vào CBTD nên rất dễ gây nên rủi ro cho ngân hàng.

✓ *Hạn chế trong công tác nhận diện rủi ro*

- Việc nhận dạng rủi ro còn các mặt hạn chế như chưa liệt kê các rủi ro qua các thời kỳ, phân tích các tổn thất để tìm nguyên nhân từ đó làm tư liệu nhận biết rủi ro.

- Công tác nhận diện rủi ro đối với khách hàng mới tập trung ở việc thu thập thông tin và nhận diện rủi ro của bộ phận tác nghiệp khi đi thẩm định trực tiếp và tiếp xúc khách hàng, chưa thể sử dụng nguồn dữ liệu cảnh báo lưu tại hệ thống đối với các khách hàng vay mới

- Việc định giá tài sản cho phép căn cứ theo giá trị trường nhưng chưa có bộ phận định giá độc lập, định giá qua các trung tâm định giá dễ phát sinh tiêu cực.

- Đối với các khách hàng lớn, khách hàng vay vốn thường xuyên thì công tác phân tích, thẩm định, kiểm tra thực tế tài sản đảm bảo nhiều khi còn sơ sài, chưa chặt chẽ.

✓ *Hạn chế trong đo lường rủi ro*

- Kết quả chấm điểm và xếp hạng khách hàng chưa được khách quan, vẫn chưa phản ánh đúng tình hình tài chính thực của khách hàng vay, chất lượng của khoản vay, cũng như vẫn còn phụ thuộc quá nhiều vào cảm tính của CBTD

- Việc áp dụng các phương pháp đo lường rủi ro khác đối với khách hàng chưa được quan tâm, thử nghiệm. Bên cạnh đó việc chậm trễ trong công tác chấm điểm đôi lúc vẫn xảy ra, làm ảnh hưởng đến công tác đo lường rủi ro chung của chi nhánh.

✓ *Hạn chế trong kiểm soát rủi ro*

- Kiểm soát nguồn rủi ro từ phía khách hàng phụ thuộc chủ yếu vào kỹ năng phân tích, nhận định, dự báo của CBTD nên chưa có độ tin cậy.

- Kiểm soát nguồn rủi ro từ phía ngân hàng phụ thuộc vào năng lực và đạo đức CBTD dễ dẫn đến rủi ro.

- Việc định giá tài sản đảm bảo còn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của nhân viên thẩm định giá, định giá đảm bảo tiền vay bằng tài sản là hàng tồn kho, tài sản đảm bảo hình thành trong tương lai chưa chặt chẽ.

- Chi nhánh chưa đánh giá được xác suất rủi ro tín dụng hay tổn thất dự kiến do chưa xây dựng được các tiêu chí, chỉ tiêu cũng như mô hình áp dụng.

- Việc sử dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro trước khi xảy ra cũng như phân tán rủi ro chưa kịp thời.

- Công tác ban hành các quy định nhằm kiểm soát rủi ro chưa đáp ứng với sự thay đổi của tình hình hoạt động kinh doanh.

✓ *Hạn chế trong tài trợ rủi ro*

- Hình thức tài trợ rủi ro chưa đa dạng
- Khó khăn trong thanh lý tài sản, việc mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo không được thực hiện nghiêm túc.
- Việc chuyển giao rủi ro từ bán tài sản còn nhiều bất cập, gây khó khăn cho chi nhánh.

❖ Nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản trị RRTD trong trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại ARGIBANK chi nhánh Hải Châu

- ❖ Nguyên nhân từ phía bên ngoài
 - Nhóm nhân tố từ phía môi trường:
 - + Năm 2013 tiếp tục là năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng
 - + Quy định pháp luật nhằm hạn chế, giải quyết tình trạng nợ xấu đã được ban hành nhưng việc áp dụng vào thực tế còn nhiều khó khăn, chưa phát huy hiệu quả trong hoạt động giải quyết nợ xấu. Thủ tục xử lý tài sản thế chấp phức tạp, qua nhiều ngành nhiều cấp, tốn kém thời gian cũng như chi phí, gây khó khăn cho công tác xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng
 - Nhóm nhân tố từ phía khách hàng:
 - + Việc cung cấp thông tin thiếu tính minh bạch, xác thực, vì vậy việc đánh giá khách hàng, tài sản đảm bảo tiền vay nhiều khi thiếu chính xác.
 - ❖ Nguyên nhân từ phía bên trong
 - Chưa có chính sách quản trị RRTD trong trong cho vay đảm bảo bằng tài sản rõ ràng. Chính sách tín dụng chưa hợp lý và phù hợp với từng thời kỳ kinh doanh, chỉ dừng lại ở việc đề ra một số chỉ tiêu tín dụng cho năm kế hoạch như: mức tăng trưởng dư nợ, tỷ lệ nợ xấu,....
 - Hệ thống thông tin tín dụng nội bộ chưa đầy đủ, chính xác do việc cập nhật thông tin phục vụ cho công tác thẩm định chưa kịp thời,

đôi khi còn thiếu chính xác.

- Hiện tại chi nhánh không có bộ phận thẩm định độc lập để đảm bảo tính khách quan và giảm tải công việc cho CBTD, do đó việc thẩm định và quyết định cho vay đôi lúc còn phụ thuộc nhiều vào đánh giá khách quan của CBTD

- Việc định giá TSBĐ còn sơ sài, tại chi nhánh vẫn chưa xây dựng được các chỉ tiêu, tiêu chí phục vụ giúp CBTD trong công tác định giá TSBĐ, đặc biệt là đối với các tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc, thiết bị,... cần phải nắm bắt được kiến thức chuyên môn mới định giá đúng các tài sản này.

- Đội ngũ làm công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ của các chi nhánh quá ít nên không thể kiểm soát hết được các khoản cho vay đối với khách hàng kinh doanh một cách thường xuyên

- Nguồn lực CBTD bắt cập so với yêu cầu, chất lượng cán bộ làm công tác tín dụng còn hạn chế do trẻ tuổi, ít kinh nghiệm thực tế, bản lĩnh nghề nghiệp chưa cao hoặc thiếu năng động trong công tác tìm hiểu thị trường, tìm kiếm khách hàng nên dẫn đến tình trạng thông tin bất đối xứng, ra quyết

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở lý luận ở chương 1, trong chương 2 luận văn đã làm rõ vấn đề thực trạng công tác quản trị RRTD trong cho vay ĐBBTS tại Agribank Chi nhánh Hải Châu. Từ đó đánh giá những mặt thành công và tồn tại và nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác quản trị RRTD trong cho vay ĐBBTS tại chi nhánh làm cơ sở để đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay kinh doanh và nâng cao chất lượng tín dụng tại chi nhánh.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG TRONG CHO VAY ĐẢM BẢO BẰNG TÀI SẢN TẠI AGRIBANK CHI NHÁNH HẢI CHÂU

3.1. CÁC CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Ngoài việc căn cứ vào thực trạng quản trị RRTD trong cho vay đảm bảo bằng tài sản tại Agribank Chi Nhánh Hải Châu đã phân tích ở chương 2, nhất là các hạn chế để nghiên cứu đề xuất các giải pháp, luận văn còn căn cứ vào:

3.1.1. Những định hướng chung của Agribank Việt nam về hoạt động kinh doanh và công tác QTRRTD.

3.1.2. Những định hướng chung của Agribank chi nhánh Hải Châu về hoạt động kinh doanh và công tác QTRRTD

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG TRONG CHO VAY ĐẢM BẢO BẰNG TÀI SẢN TẠI AGRIBANK CHI NHÁNH HẢI CHÂU

3.2.1. Hoàn thiện công tác tổ chức, và triển khai thực hiện chính sách quản trị rủi ro

Xây dựng mô hình, bộ máy quản lý tín dụng:

Thực hiện quy trình thẩm định theo hướng tách bạch khâu thẩm định thành một bộ phận độc lập.

Về công tác tổ chức cần thành lập phòng thẩm định, các bộ phận trong phòng được chia theo hình thức chuyên môn hóa theo ngành, lĩnh vực kinh doanh tại mỗi bộ phận, đứng đầu mỗi bộ phận là cán bộ có năng lực chuyên môn phù hợp với ngành và lĩnh vực đó.

Triển khai thực hiện chính sách quản trị rủi ro:

Trên cơ sở chính sách quản trị rủi ro của Agribank Việt Nam, chi

nhánh cần tổ chức triển khai thường xuyên các quy định mới về quy trình tín dụng, cơ chế chính sách mới ban hành có liên quan đến hoạt động ngân hàng đến toàn thể nhân viên.

Chi nhánh cần có kế hoạch khảo sát thực tế các giao dịch mua bán nhà đất trên thị trường để đưa ra một tỷ lệ chênh lệch nhất định giữa giá nhà đất do UBND quy định so với giá nhà đất thực tế giao dịch trên thị trường. Từ đó, áp dụng tỷ lệ này để xác định giá trị tài sản thế chấp cho phù hợp với thực tế.

3.2.2. Hoàn thiện công tác và xếp hạng tín dụng nội bộ, thu thập, đảm bảo thông tin

Nâng cao chất lượng cập nhật thông tin một cách khách quan và xử lý thông tin nhằm đảm bảo công tác chấm điểm xếp hạng khách hàng khách quan và chính xác. Chi nhánh cần xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thông tin cụ thể theo danh mục khách hàng, xây dựng hệ thống báo cáo rủi ro tín dụng. Yêu cầu tất cả cán bộ làm công tác tín dụng hiểu, sử dụng thành thạo công cụ trên, phục vụ công tác tín dụng tốt hơn. Một số giải pháp cụ thể:

Hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng đầy đủ, chính xác và kịp thời

Hoàn thiện dữ liệu hệ thống chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng

Thống kê, phân tích, tổng hợp và danh sách các biểu hiện dự báo nhận biết sớm RRTD

3.2.3. Nâng cao công tác kiểm soát trong cho vay đảm bảo bằng tài sản

Nâng cao hiệu quả kiểm tra, kiểm soát đối với từng khoản vay được thực hiện trước, trong và sau khi cho vay:

Trong quá trình cho vay, công tác kiểm tra, kiểm soát chỉ được

chi nhánh thực hiện trước khi cho vay, còn đối với khâu kiểm tra, kiểm soát trong và sau khi cho vay được thực hiện còn chưa chặt chẽ, mang tính thủ tục và hình thức cho đúng quy định. Chính vì vậy, chi nhánh cần phải tăng cường công tác quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình giải ngân và sau kiểm tra

Nâng cao hiệu quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ của chi nhánh đối với việc thực hiện quy trình tín dụng:

Để công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ có hiệu quả thì chi nhánh cần phải làm là bổ sung cán bộ cho phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Cán bộ được bổ nhiệm phải là người giỏi nghiệp vụ, có kinh nghiệm lâu năm.

3.2.4. Nâng cao chất lượng công tác BDBTS trong cho vay

Đối với các khoản nợ quá hạn thì TSDB cho món vay luôn được xếp lên hàng đầu. Vì vậy, chi nhánh cần phải có quy định bổ sung chặt chẽ hơn về nhận đảm bảo bằng tài sản trên cơ sở những quy định đã có của Agribank Việt Nam

3.2.5. Tập trung xử lý nợ tồn đọng, nợ khó đòi và nợ quá hạn:

Các khoản nợ xấu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của chi nhánh, vì vậy cần phải có các giải pháp giảm những khoản nợ tồn đọng, nợ quá hạn. Với mục tiêu đó cần thường xuyên định kỳ tiến hành phân tích đánh giá những khoản nợ tồn đọng, quá hạn, tìm rõ nguyên nhân để có giải pháp thu hồi nợ cho phù hợp

3.2.6. Nâng cao trình độ và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ làm công tác tín dụng

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với Agribank Việt Nam

3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã đưa ra những định hướng triển khai hoạt động QTRR trong chi vay ĐBBTS tại Agribank chi nhánh Hải Châu. Đồng thời xây dựng các nhóm giải pháp, một số kiến nghị đối các cơ quan quản lý nhà nước, nhằm hỗ trợ tối đa cho việc mở rộng hoạt QTRR trong chi vay ĐBBTS tại Agribank chi nhánh Hải Châu trong thời gian sắp tới.

KẾT LUẬN

Hoạt động kinh doanh của các NHTM nói chung và của Agribank nói riêng luôn gắn liền với rủi ro, trong đó có rủi ro tín dụng trong cho vay ĐBBTS. Vì vậy, việc QTRRTD trong cho vay ĐBBTS là yêu cầu cấp bách của chi nhánh hiện nay. Trên cơ sở tiếp cận lý luận và thực tiễn luận văn đã hoàn thành được các nội dung cơ bản sau:

1. Khái quát những lý luận cơ bản về QTRR trong cho vay ĐBBTS cũng như nghiên cứu tìm hiểu nội dung công tác QTRRTD trong cho vay ĐBBTS của NHTM.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng QTRRTD trong cho vay ĐBBTS tại Chi nhánh Agribank Hải Châu, qua đó rút ra kết quả đạt được, những mặt còn tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại đó trong công tác QTRRTD trong cho vay ĐBBTS tại chi nhánh.

3. Dựa trên cơ sở lý thuyết và phân tích đánh giá thực tiễn, luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị mang tính toàn diện, thực tế về công tác QTRRTD trong cho vay ĐBBTS tại các chi nhánh.

Với những kết quả đạt được của luận văn, hy vọng góp phần vào việc nâng cao chất lượng tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay ĐBBTS Agribank Chi nhánh Hải Châu trong thời gian tới. Bên cạnh đó, trong quá trình nghiên cứu với khuôn khổ thời gian và kiến thức của một luận văn thạc sỹ sẽ khó tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Kính mong quý thầy cô và người đọc góp ý để luận văn có điều kiện hoàn thiện hơn.